CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Đầu tư QP Xanh

Ngày 30/06/2025	10,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	10.5%	**26.5%**	**34.6%**

DT thuần
Q2/25
21.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 4.30| 24.3%
YoY: ▼11.9| -35.5%

LN thuần
Q2/25
0.32
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.20| 163%
YoY: ▼0.17| -35.6%

LN sau thuế
Q2/25
0.82
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.56| 217%
YoY: ▲ 0.43| 111%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
5.0%
YoY: +/-▲ 1.8%

ROE (TTM)
Q2/25
2.0%
YoY: +/-▲ 0.6%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	6,400 - 10,900
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	64
Số lượng CPLH (CP)	6,135,029
KLGD BQ 20 phiên (CP)	10,235
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	(0.42)
EPS	231
P/E	45.4

DT thuần
6T 2025
39.2
tỷ VNĐ
YoY: ▼48.0| -55.1%

LN thuần
6T 2025
0.43
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.51| -54.1%

LN sau thuế
6T 2025
1.08
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.34| 45.9%

Cơ cấu sở hữu

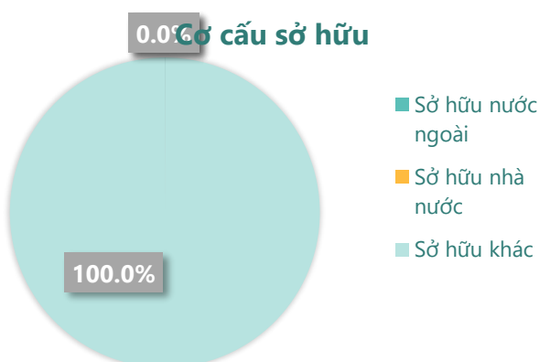

(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá

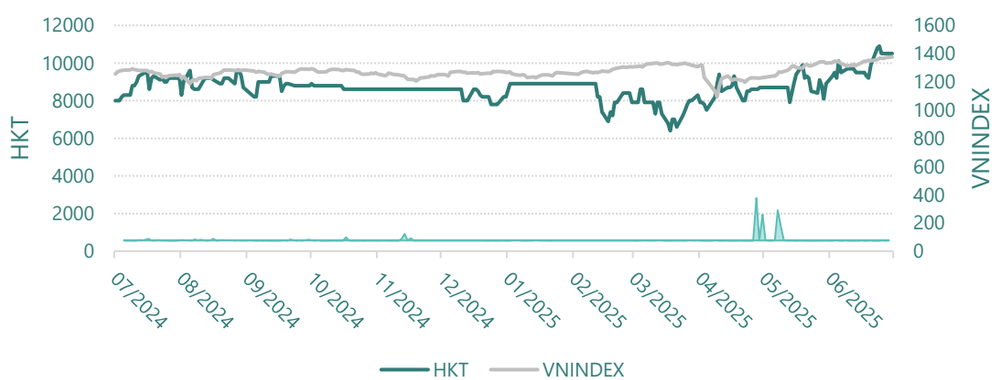

Cơ cấu cổ đông

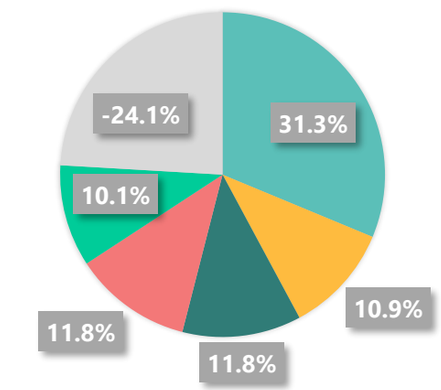

- Vi Thị Dung
- Dương Thị Chín
- Nguyễn Thị Thùy Ngân (Thành viên HĐQT)
- Dương Văn Hiếu
- Hồ Văn Tuấn
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH

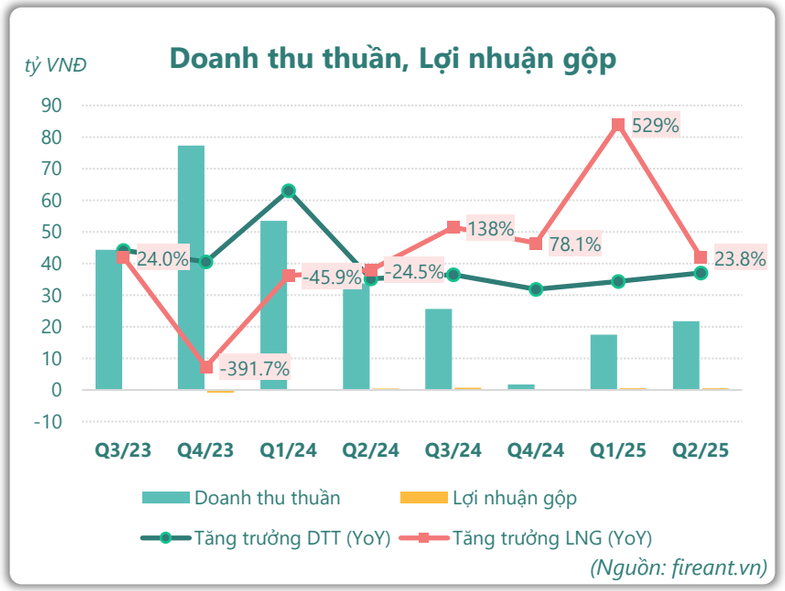

(Nguồn: fireant.vn)

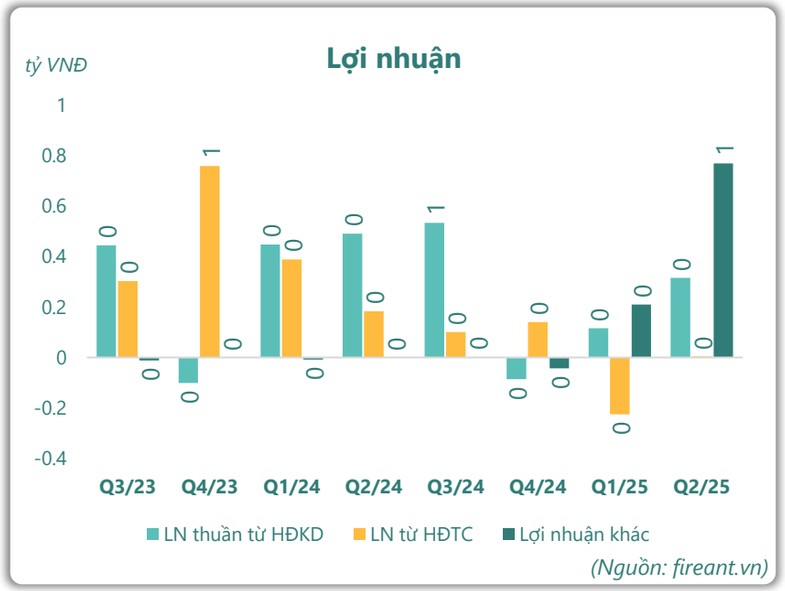

(Nguồn: fireant.vn)

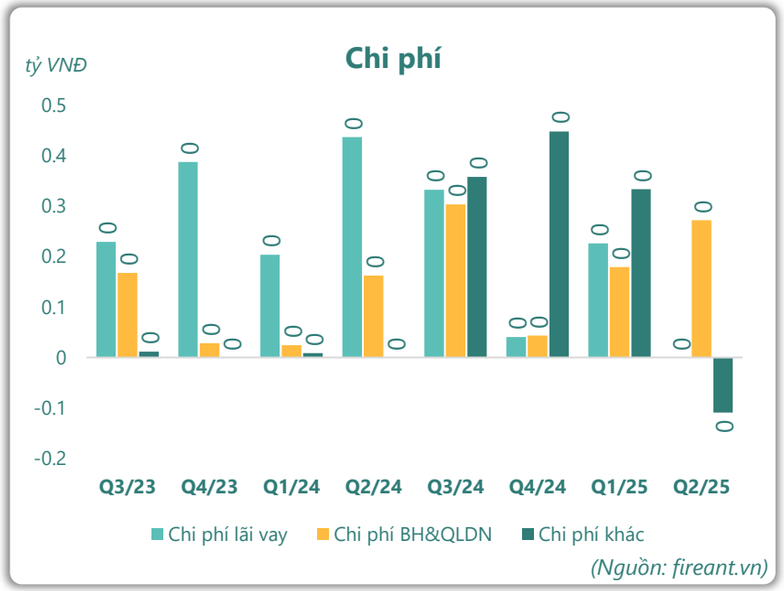

(Nguồn: fireant.vn)

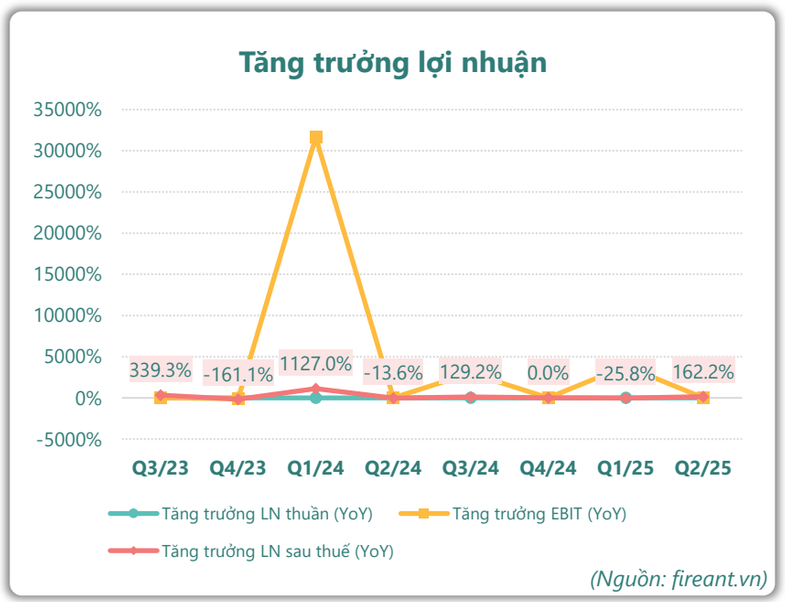

(Nguồn: fireant.vn)

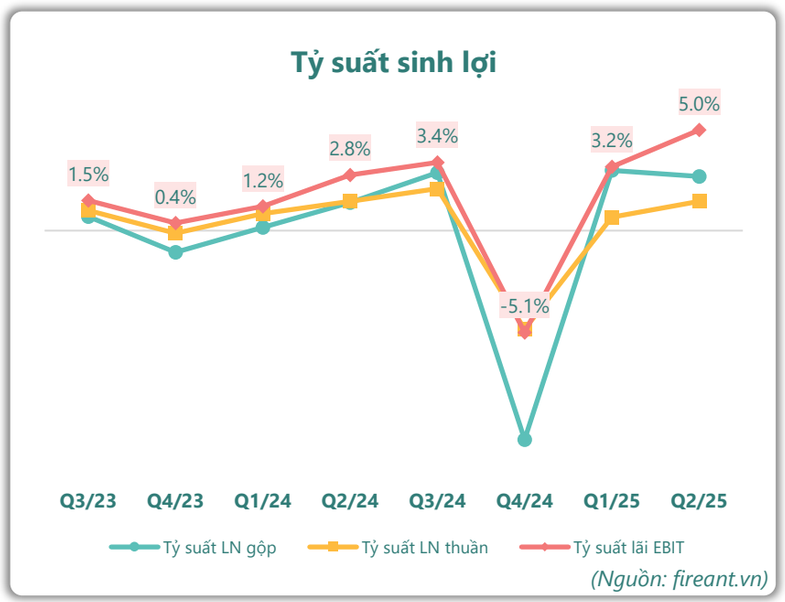

(Nguồn: fireant.vn)

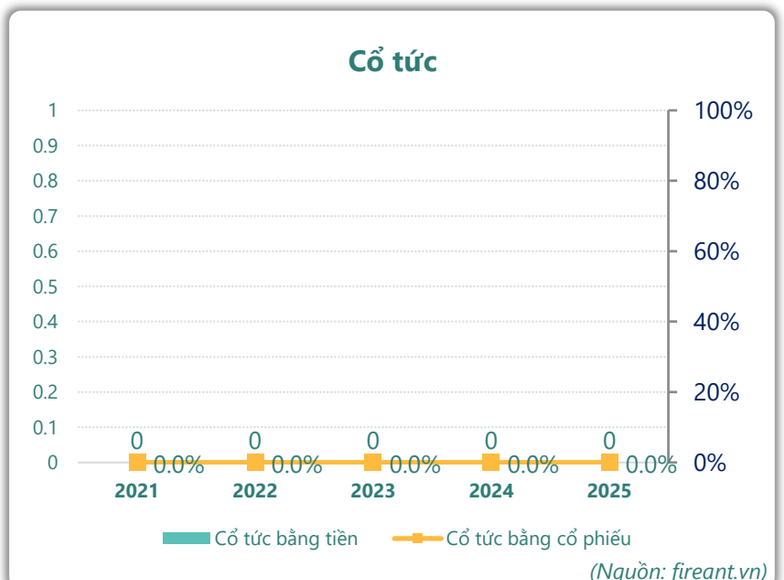

(Nguồn: fireant.vn)

TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

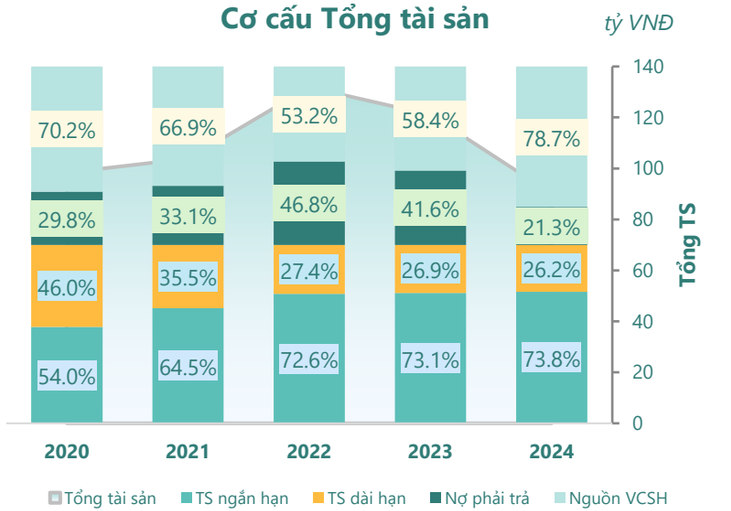

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

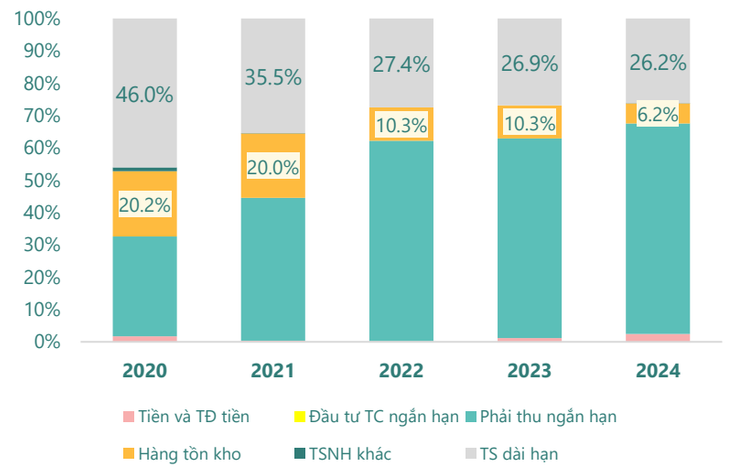

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

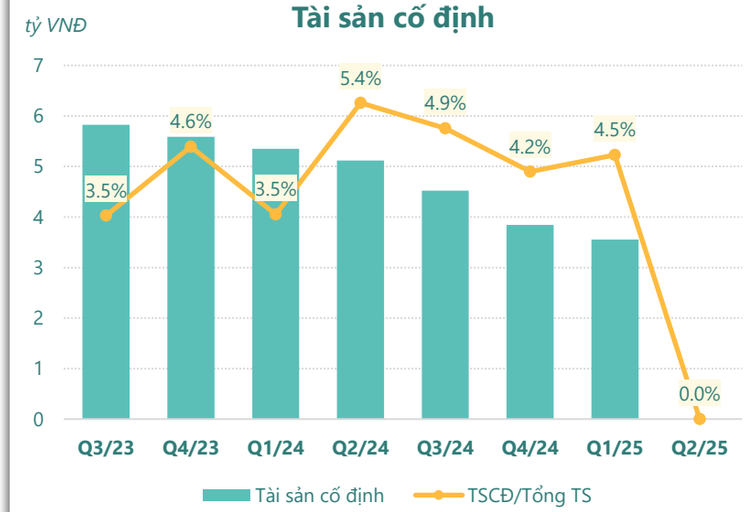

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

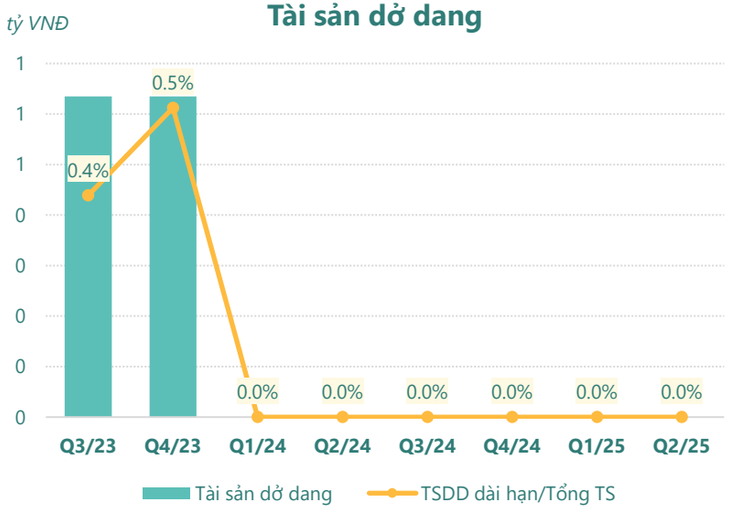

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

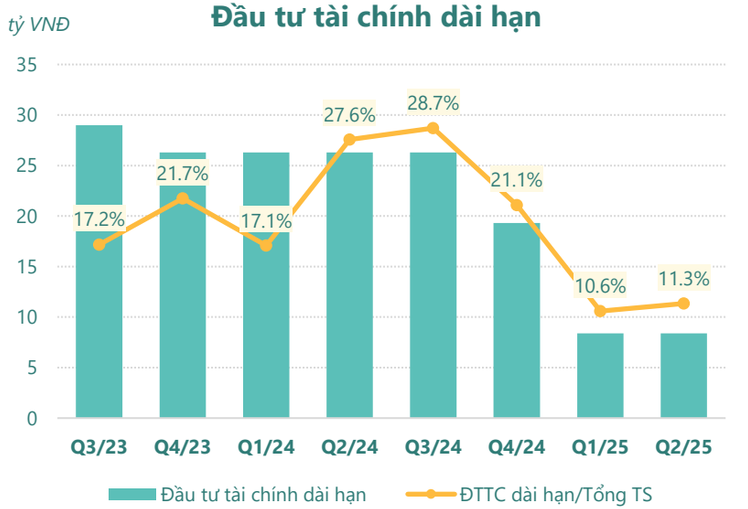

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

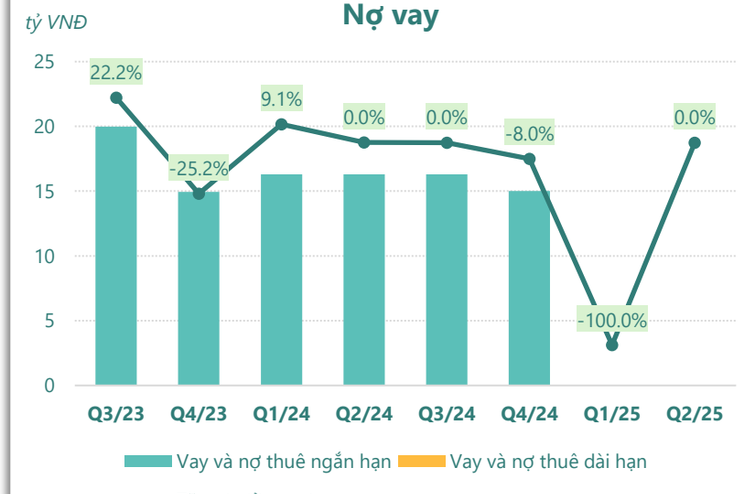

(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH

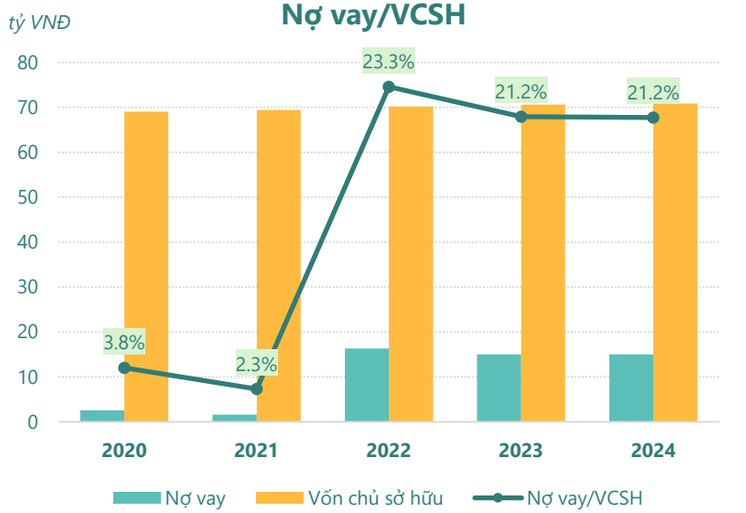

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

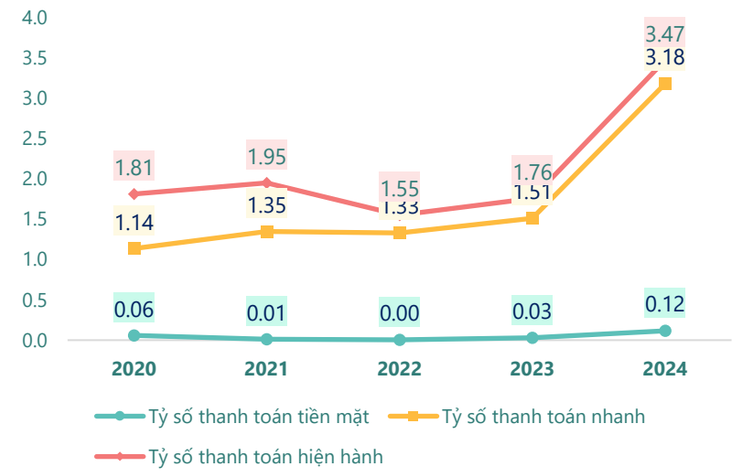

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

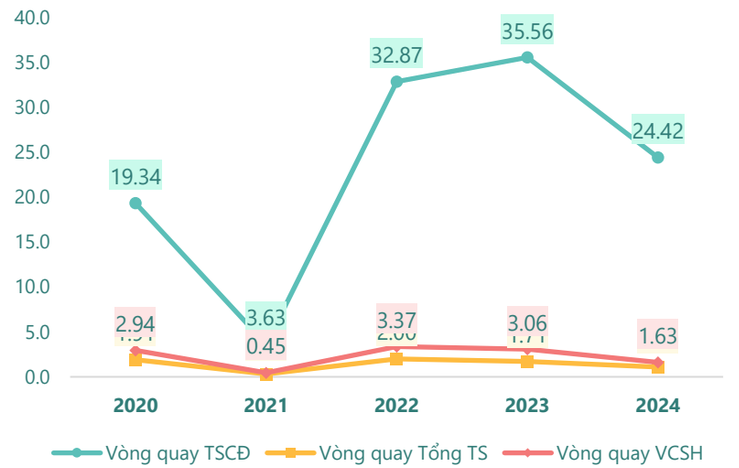

(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay

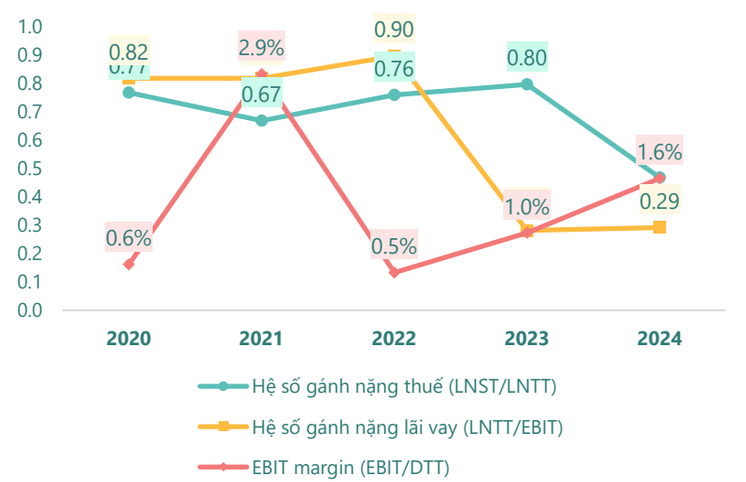

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE

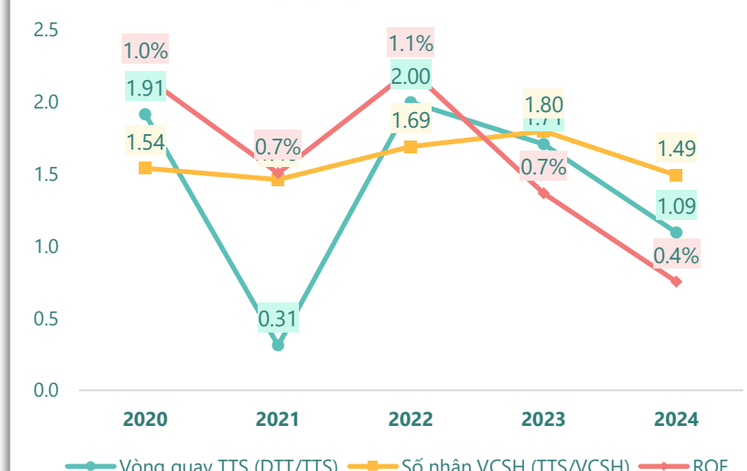

(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn

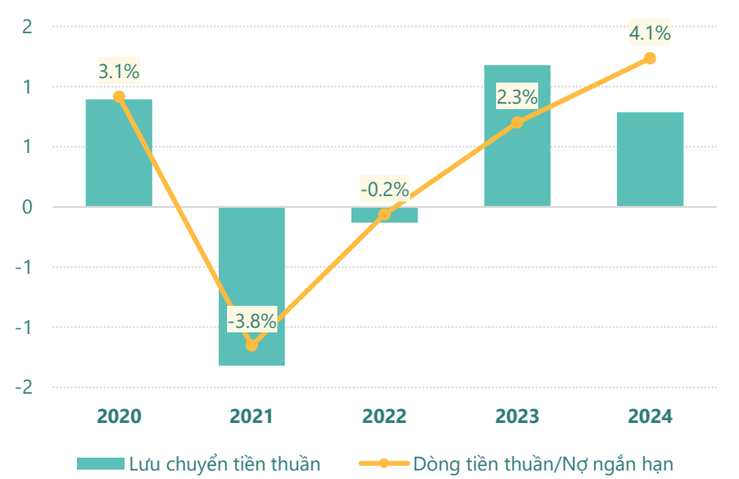

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**21.8**	**33.7**	**-35.5%**	**39.2**	**87.2**	**-55.1%**
Giá vốn hàng bán	21.2	33.2	-36.2%	38.1	86.7	-56.0%
Lợi nhuận gộp	0.58	0.47	24.2%	1.11	0.55	99.4%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.62	-99.4%	0.00	1.21	-99.6%
Chi phí TC	0	0.44	-100%	0.23	0.64	-64.7%
Chi phí lãi vay	0	0.44	-100%	0.23	0.64	-64.7%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.06	0.00		0.06	0	
Chi phí QLDN	**0.21**	**0.16**	**30.4%**	**0.39**	**0.19**	**108%**
LN thuần từ HĐKD	0.32	0.49	-35.6%	0.43	0.94	-54.1%
Lợi nhuận khác	**0.77**	**0.00**		**0.98**	**-0.01**	**11720%**
LN trước thuế	1.09	0.49	122%	1.41	0.93	51.6%
Lợi nhuận sau thuế	**0.82**	**0.39**	**111%**	**1.08**	**0.74**	**45.9%**
LNST của CĐ cty mẹ	**0.82**	**0.39**	**111%**	**1.08**	**0.74**	**45.9%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-12.3	-4.58	21.5	-32.3	6.04	-7.15
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	10.6	5.88	0.43	11.6	15.6	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	1.30	0.00	-23.0	21.7	-15.0	0
Tiền đầu kỳ	1.43	1.00	2.31	1.19	2.21	8.87
Lưu chuyển tiền thuần	**-0.43**	**1.31**	**-1.11**	**1.02**	**6.65**	**-7.15**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	1.00	2.31	1.19	2.21	8.87	1.72

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**74.0**	**90.0**	**-17.8%**
Tài sản ngắn hạn	65.5	66.4	-1.4%
Tiền và tương đương tiền	1.72	2.21	-22.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	63.0	58.6	7.5%
Hàng tồn kho	0.74	5.60	-86.8%
Tài sản ngắn hạn khác	0.06	0.01	798%
Tài sản dài hạn	**8.52**	**23.6**	**-63.9%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	0	3.84	-100%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	8.39	19.3	-56.5%
Tài sản dài hạn khác	**0.13**	**0.45**	**-70.9%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	2.07	19.1	-89.2%
Nợ ngắn hạn	**2.07**	**19.1**	**-89.2%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	15.0	-100%
Phải trả người bán ngắn hạn	0.69	1.75	-60.7%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**72.0**	**70.9**	**1.5%**
Vốn chủ sở hữu	**72.0**	**70.9**	**1.5%**
Vốn điều lệ	61.4	61.4	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)